VIETNAM 1:50.000

EDITION 1-AMS
PHÁT HÀNH LẦN THỨ 1-AMS

PHƯỚC VĨNH

SHEET 6331 I
SERIES L7014

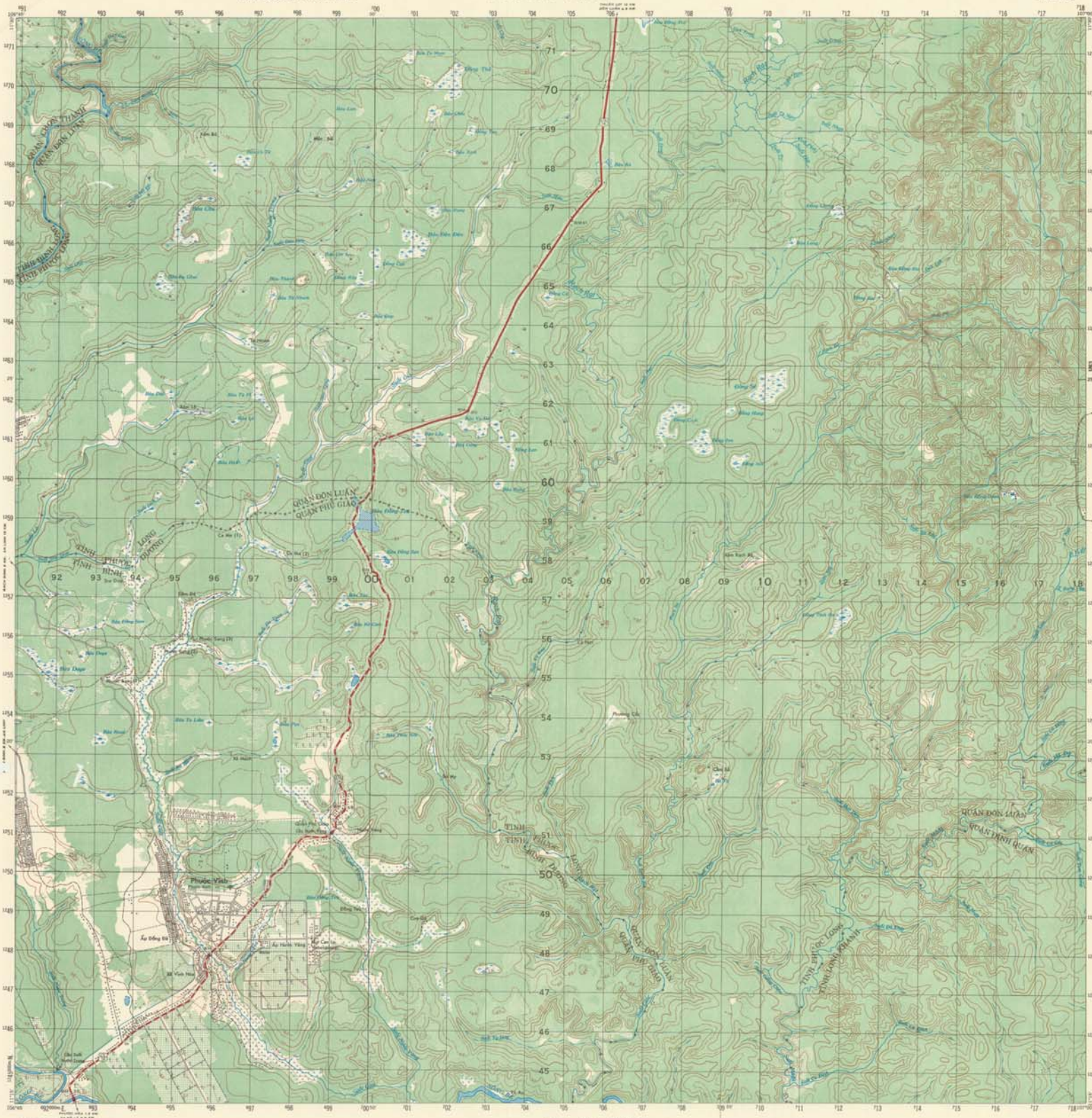

PHÂN CỤC HÒA ĐỒ ĐÀ LẠT-BẢN ĐỒ
PRINTED BY THE NATIONAL GEOGRAPHIC SERVICE VIETNAM
Ấn-hành do Bộ Ba. 12-65
P.P Printing 12-65

LEGEND—CHÚ TỪ
MAP INFORMATION AS OF 1965
BẢN ĐỒ TÌNH HÌNH NĂM 1965

WHEN REFERRING TO POPULATED PLACE NAMES, INCLUDE UTM GRID COORDINATES
THE NUMBER IN PARENTHESES FOLLOWING A POPULATED PLACE NAME INDICATES
MORE THAN ONE PLACE IS SO NAMED WITHIN THE MAP SHEET AREA

Scale Tỷ-lệ 1:50.000

CONTOUR INTERVAL—10 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS—5 METERS

SPHEROID ..... EVEREST
GRID ..... 1,000 METER UTM ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES)
PROJECTION ..... TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM ..... MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIÊN
HORIZONTAL DATUM ..... INDIAN DATUM 1960

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO ĐỘ: 10 MÉT
CÁC VÒNG CAO ĐỘ PHỤ VÒNG 5 MÉT

CREDITS
PREPARED BY ..... ARC (PV), U.S. ARMY 1965
NAMES DATA BY ..... NGS, VIETNAM
CONTROL BY ..... USAMPVE, NGS, VIETNAM

ARC GRID MAGNETIC DECLINATION
DỘ LỆCH TỪ TRƯỜNG VỀ ĐỊA CỰC
TÂM ĐỒ TRUNG TÂM BẢN ĐỒ
(FOR CENTER OF MAP)

GRID CONVERGENCE
FOR CENTER OF SHEET
ĐỘ TỤ TRƯỜNG VỀ ĐỊA CỰC TÂM ĐỒ TRUNG TÂM BẢN ĐỒ
(FOR CENTER OF MAP)

DELIMITATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE
RANH GIỚI HÀNH CHÁNH TRÊN BẢN ĐỒ ƯỚC LƯỢNG PHÂN PHỐI VÀ PHÂN CÁCH (KIỂU CÁCH)

GLOSSARY—CỔ TỪ

Ấp	village
Bến	passage
Cầu	bridge
Cầu	bridge
Đồi	crown
Đồng	hill, mesa, tuy
Phường	village
Rạch	stream
Sông, Dòng, Suối, S.	stream
Xã	village
Xóm	village

ELEVATION GUIDE
CHỈ DẪN CAO ĐỘ

BOUNDARIES
RANH GIỚI HÀNH CHÍNH

ADJOINING SHEETS
BẢNG GHÉP BẢN ĐỒ

6330 IV	6330 I	6430 III
6331 IV	6331 I	6431 III
6331 III	6331 II	6431 IV

Sheet 6331 I lists within 1:250,000

PHƯỚC VĨNH, VIETNAM